

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 1015/TNN-NDĐ ngày 29/5/2020 của Cục Quản lý Tài nguyên nước về việc tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 359/GP-UBND ngày 06/10/2014 và số 99/GP-UBND ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1080/TTr-STNMT ngày 10/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 359/GP-UBND ngày 06/10/2014 và số 99/GP-UBND ngày 23/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức nộp tiền: Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;
- Mã số thuế: 2800238397.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 02 giếng nước, khai thác nguồn nước dưới đất phục vụ cho sinh hoạt, ăn uống và hoạt động của Nhà máy Thuốc

lá Thanh Hóa, nằm trong Khu đất của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa tại thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ sinh hoạt, ăn uống và hoạt động của Nhà máy Thuốc lá Thanh Hóa; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = 70.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp);

- $G_2 = 5.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho mục đích vệ sinh công nghiệp).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

a) W_1 là Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại Giấy phép số 359/GP-UBND ngày 06/10/2014 (thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 22/3/2018 là 203 ngày).

$W_1 = 203$ (ngày) x 180 (m^3 /ngày đêm) = $36.540 m^3$ (nước phục vụ cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất);

b) W_2 là Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại Giấy phép số 99/GP-UBND ngày 23/3/2018 (thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 23/3/2018 đến hết ngày 22/3/2023 là 1.825 ngày).

$W_2 = W_{2.1} + W_{2.2} = 54.750 m^3$; trong đó:

- $W_{2.1} = 1.825$ (ngày) x 25 (m^3 /ngày đêm) = $45.625 m^3$ (nước phục vụ cho mục đích ăn uống, sinh hoạt);

- $W_{2.2} = 1.825$ (ngày) x 05 (m^3 /ngày đêm) = $9.125 m^3$ (nước phục vụ cho mục đích vệ sinh công nghiệp).

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác: $M = 1,5$ % (mức thu dùng cho hoạt động sản xuất phi nông nghiệp).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$T = (W_1 \times G_1 \times K \times M) + (W_{2.1} \times G_1 \times K \times M) + (W_{2.2} \times G_2 \times K \times M) = (36.540 m^3 \times 70.000 \text{ đồng}/m^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (45.625 m^3 \times 70.000 \text{ đồng}/m^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (9.125 m^3 \times 5.000 \text{ đồng}/m^3 \times 1,4 \times 1,5\%) = 121.740.675$ đồng (Một trăm hai mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

9. Phương án nộp tiền: Nộp 01 lần cho cả thời gian được phê duyệt.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định;

- Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15/12); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa:

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5144/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Chủ tịch UBND thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi